

Họ, tên thí sinh:
Số báo danh:

Mã đề thi 304

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Huế?

- A. Khe Sanh. B. Đá Nhảy. C. Thuận An. D. Thiên Cầm.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Cà Mau. B. Biên Hòa. C. Mỹ Tho. D. Long Xuyên.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều cao su trong các tỉnh sau đây?

- A. Bình Phước. B. Hậu Giang. C. Vĩnh Long. D. Sóc Trăng.

Câu 44: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. sức gió. B. than đá. C. thác nước. D. thủy triều.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

- A. Nghĩa Lộ. B. Thái Nguyên. C. Bắc Kạn. D. Cao Bằng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều dừa trong các tỉnh sau đây?

- A. Trà Vinh. B. Cao Bằng. C. Kon Tum. D. Hà Tĩnh.

Câu 47: Làm ruộng bậc thang trong sản xuất ở đồi núi nước ta là biện pháp để

- A. hạn chế xói mòn. B. ngăn lũ quét. C. ngăn hạn mặn. D. chống ngập úng.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Thương. B. Sông Lục Nam. C. Sông Hồng. D. Sông Kinh Thầy.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- A. Sa Pa. B. Nha Trang. C. Đà Nẵng. D. Đồng Hới.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- A. Thanh Hóa. B. Nam Định. C. Ninh Bình. D. Thái Bình.

Câu 51: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
Xuất khẩu	15,8	181,7	207,0	22,6
Nhập khẩu	16,2	169,6	185,3	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
B. Mi-an-ma thấp hơn In-đô-nê-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Cam-pu-chia.
D. Ma-lai-xi-a cao hơn Mi-an-ma.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Cửa Lò thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Hà Tĩnh.

Câu 53: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phân bố
A. rất đồng đều.

B. khắp mọi nơi.

C. phân tán.

D. tập trung.

Câu 54: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là
A. nước ngầm.

B. môi trường.

C. giống cây.

D. thủy lợi.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?
A. Cầu Treo.

B. Tây Trang.

C. Hữu Nghị.

D. Nậm Cắn.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?
A. Hải Phòng.

B. Cần Thơ.

C. TP. Hồ Chí Minh.

D. Vũng Tàu.

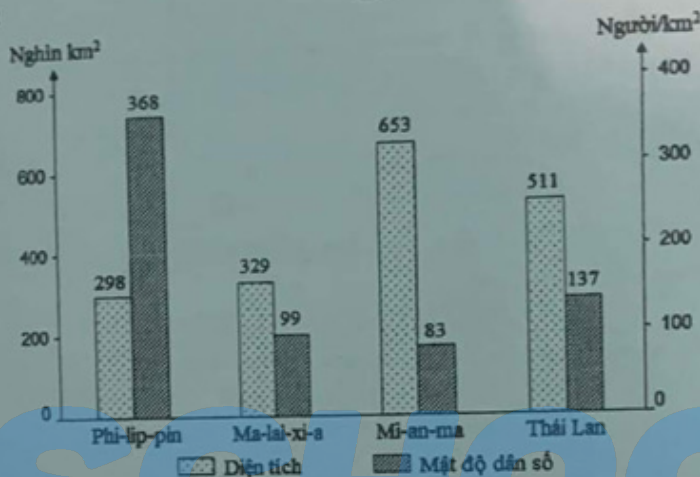
Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Liên Khương thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Đắk Lắk.

B. Kon Tum.

C. Lâm Đồng.

D. Đắk Nông.

Câu 58: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

A. Ma-lai-xi-a lớn hơn Mi-an-ma.

B. Thái Lan lớn hơn Phi-lip-pin.

C. Thái Lan gấp hơn hai lần Mi-an-ma.

D. Phi-lip-pin gấp hơn ba lần Ma-lai-xi-a.

Câu 59: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta vào mùa khô?

A. Sóng thần.

B. Bão biển.

C. Ngập lụt.

D. Hạn mặn.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác apatit?

A. Thái Nguyên.

B. Điện Biên.

C. Lào Cai.

D. Cao Bằng.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

A. Vinh.

B. Hạ Long.

C. Thanh Hóa.

D. Nam Định.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía bắc núi Chí Linh?

A. Phu Hoạt.

B. Pu Xai Lai Leng.

C. Rào Cò.

D. Phu Pha Phong.

Câu 63: Dân cư thành thị nước ta hiện nay

A. có tỉ lệ còn thấp trong cơ cấu dân số.

C. hầu hết hoạt động trong công nghiệp.

B. chỉ tập trung tại các vùng đồng bằng.

D. đều có trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Câu 64: Hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta hiện nay

A. chỉ chú trọng vào các loài cá quý.

C. diễn ra ở tất cả các tỉnh giáp biển.

B. phân bố hoàn toàn ở vùng ven bờ.

D. chủ yếu nhằm phục vụ xuất khẩu.

Câu 65: Chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay

A. chủ yếu nhằm cung cấp thực phẩm.

C. phân bố tập trung tại các vùng núi.

B. sử dụng phần lớn thức ăn tự nhiên.

D. có phần lớn sản phẩm để xuất khẩu.

Câu 66: Hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta hiện nay

- A. phát triển rộng rãi khắp các vùng.
C. có sản lượng đều nhau ở các năm.

- B. góp phần vào phát triển nhiệt điện.
D. hoàn toàn phục vụ cho xuất khẩu.

Câu 67: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. một số loại đất độ phì cao.
C. thực vật bốn mùa xanh tốt.

- B. các loại gió thổi theo mùa.
D. nhiều vùng núi khác nhau.

Câu 68: Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay

- A. được mở rộng và phủ khắp các vùng.
C. dày đặc và tập trung nhiều ở miền núi.

- B. chủ yếu hướng đông tây và độ dài lớn.
D. đã hiện đại hóa và chủ yếu là cao tốc.

Câu 69: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung ở khu vực Nhà nước.
C. hình thành các vùng chuyên canh.

- B. tạo nên các khu kinh tế cửa khẩu.
D. làm thay đổi tỉ trọng của dịch vụ.

Câu 70: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. phát triển nhanh kinh tế thị trường.
C. tăng cường quá trình hiện đại hóa.

- B. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.
D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của đa dạng hóa loại hình du lịch ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đáp ứng thị trường, khai thác nhiều thế mạnh.
C. thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- B. tạo nhiều sản phẩm, tăng sự hấp dẫn của vùng.
D. sử dụng hợp lí tài nguyên, tạo nhiều việc làm.

Câu 72: Vùng Tây Bắc Bộ có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Bắc Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió phơn Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, độ cao vùng núi, gió mùa Tây Nam.
B. Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam, vị trí địa lí, dải hội tụ nhiệt đới.
C. gió tây nam, Tín phong bán cầu Bắc, hướng của địa hình đồi núi, vị trí địa lí.
D. gió đông bắc, khối khí Bắc Ấn Độ Dương đến, gió mùa Tây Nam, địa hình.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tăng sản xuất hàng hóa, nâng vị thế của vùng, khai thác các tiềm năng.
B. giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hạn chế nạn du canh.
C. sử dụng hợp lí tự nhiên, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.
D. đa dạng nông sản, phát triển mô hình kinh tế mới, khai thác thế mạnh.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả tự nhiên trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. sử dụng các giống tốt, đẩy mạnh xuất khẩu.
C. tăng vụ, thúc đẩy sản xuất chuyên môn hóa.

- B. có cơ cấu sản xuất hợp lí, chú ý nước ngọt.
D. thâm canh, mở rộng diện tích đất trồng trọt.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu phát triển cây ăn quả ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. mở rộng diện tích, ứng dụng công nghệ mới.
C. nâng cao trình độ lao động, sản xuất trang trại.

- B. sử dụng các giống tốt, tăng cường thâm canh.
D. tăng chuyên canh, gắn với thị trường tiêu thụ.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng phòng hộ ở Tây Nguyên là

- A. góp phần chống lũ, điều hòa nước các sông.
C. giữ gìn cảnh quan, duy trì đa dạng sinh học.

- B. chống sạt lở đất, bảo vệ động vật hoang dã.
D. phòng chống xói mòn, mở rộng độ che phủ.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020
(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	843,3	688,2	1 429,8	1 358,3
Quốc tế	3 198,0	4 955,2	4 788,9	2 203,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Cột, đường, miền.
B. Miền, cột, tròn.

- C. Tròn, đường, miền.
D. Đường, tròn, cột.

Câu 78: Trị giá xuất khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

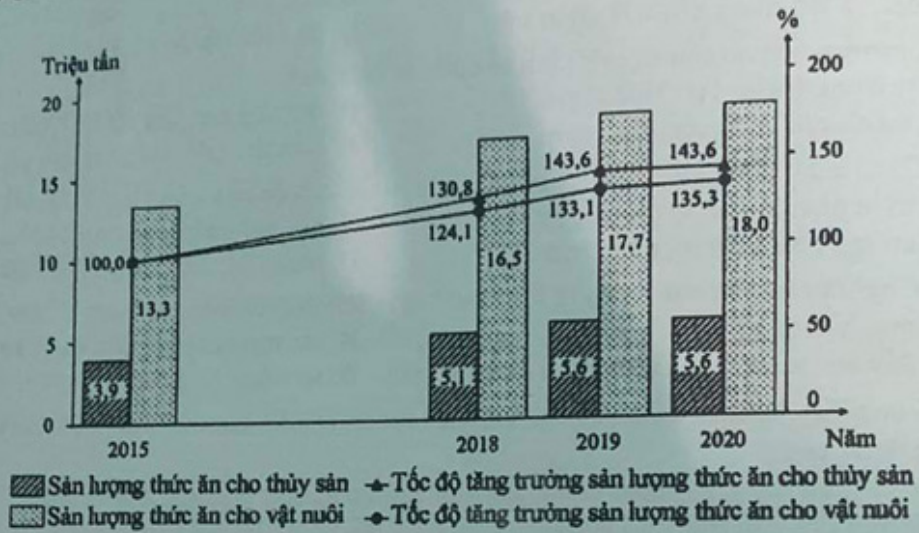
- A. đô thị mở rộng, chất lượng cuộc sống tăng.
C. sản xuất phát triển, đẩy mạnh công nghiệp.

- B. kinh tế tăng trưởng, hội nhập toàn cầu rộng.
D. cơ cấu kinh tế thay đổi, có nhiều ngành mới.

Câu 79: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. khai thác tiềm năng, tăng thu nhập dân cư, tạo nguyên liệu công nghiệp.
- B. sử dụng hợp lý thiên nhiên, đa dạng nông sản, giải quyết vấn đề việc làm.
- C. phát huy thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
- D. làm tăng giá trị tài nguyên, thay đổi bộ mặt nông thôn, mở rộng sản xuất.

Câu 80: Cho biểu đồ về sản xuất thức ăn cho thủy sản và thức ăn cho vật nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.
- B. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.
- C. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.
- D. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.